

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91 /2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 142/TTr-STC ngày 09/9/2025, Văn bản số 1908/STC-GCS ngày 09/10/2025 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây viết tắt là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg), gồm:

a) Thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và



nhiệm vụ được giao; thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg theo quy định tại điểm đ khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

b) Thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

c) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

d) Thẩm quyền quyết định mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

c) Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi

quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

3. Trường hợp mua sắm máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, KTTH.

(Bảo
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

TUYÊN QUANG